

Số: 1574 /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 26 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án phát triển du lịch cộng đồng tại huyện Quan Hóa
đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn;

Căn cứ Quyết định số 492/QĐ-UBND ngày 09/02/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc Phê duyệt Chiến lược phát triển du lịch tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 220/KH-UBND ngày 27/12/2018 của UBND tỉnh về Chương trình phát triển du lịch tỉnh Thanh Hóa năm 2019 và 2020;

Căn cứ Quyết định số 2910/QĐ-UBND ngày 01/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Đề cương Đề án Phát triển du lịch cộng đồng tại huyện Quan Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Xét đề nghị của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Công văn số 1057/SVHTTDL- QHPTTNDL ngày 02/4/2019 tham mưu phê duyệt Đề án phát triển du lịch cộng đồng tại các huyện: Quan Sơn, Quan Hóa, Thường Xuân, Như Xuân,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án Phát triển Du lịch cộng đồng tại huyện Quan Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 với những nội dung chính như sau:

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm phát triển

- Phát triển du lịch cộng đồng huyện Quan Hóa phù hợp với các định hướng phát triển du lịch, kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa; tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam.

- Phát triển du lịch bền vững, gắn với việc bảo vệ môi trường tại các Khu bảo tồn thiên nhiên; bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc, các giá trị tự nhiên; giữ vững quốc phòng, an ninh; bảo đảm trật tự an toàn xã hội; giữ gìn cảnh quan; đảm bảo các lợi ích kinh tế - xã hội cho cộng đồng tại địa phương.

- Phát triển du lịch cộng đồng huyện Quan Hóa trong mối liên hệ với các ngành kinh tế nông - lâm nghiệp, công nghiệp và dịch vụ khác; tăng cường giao lưu, liên kết với các địa phương trong và ngoài tỉnh Thanh Hóa.

2. Mục tiêu phát triển

2.1 Mục tiêu chung

- Khai thác có hiệu quả tiềm năng du lịch và đa dạng hóa các loại hình sản phẩm và dịch vụ du lịch cộng đồng dựa vào thế mạnh về tài nguyên thiên nhiên và văn hóa tại mỗi địa phương.

- Góp phần bảo tồn và phát huy giá trị các di tích văn hóa lịch sử, văn hóa dân tộc của cộng đồng các dân tộc tại huyện Quan Hóa

- Tạo điều kiện cho người dân trực tiếp tham gia làm du lịch; tạo việc làm và hoạt động sinh kế mới cho người dân, giúp người dân giảm nghèo và nâng cao chất lượng cuộc sống.

- Thúc đẩy sự phát triển của các hoạt động kinh tế, góp phần tăng cường giao lưu văn hóa, kinh tế liên huyện, liên tỉnh và quốc tế.

2.2 Mục tiêu cụ thể

a. Mục tiêu kinh tế

- *Về khách du lịch cộng đồng*: Năm 2020, đón được 4.900 lượt khách du lịch cộng đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 31,6%/năm, trong đó có 3.400 lượt khách du lịch quốc tế và 1.500 lượt khách du lịch nội địa. Năm 2025, đón được 11.200 lượt khách du lịch cộng đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 25,7%/năm, trong đó có 7.800 lượt khách du lịch quốc tế và 3.400 lượt khách du lịch nội địa. Đến năm 2030, tổng lượng khách du lịch cộng đồng đạt 24.700 với tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 24,1%/năm, trong đó, có 9.900 lượt khách du lịch quốc tế và 14.800 lượt khách du lịch nội địa.

- *Về tổng thu từ du lịch cộng đồng*: Năm 2020 đạt 4.025 triệu đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 14,5%/năm; trong đó tổng thu từ khách du lịch quốc tế đạt 3.020 triệu đồng và tổng thu từ khách du lịch nội địa là 1.005 triệu đồng. Năm 2025 tổng thu từ du lịch cộng đồng đạt khoảng 10.520 triệu đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 32,3%/năm; trong đó tổng thu từ khách du lịch quốc tế là 7.800 triệu đồng và tổng thu từ khách du lịch nội địa là 2.720 triệu đồng. Đến năm 2030 tổng thu từ du lịch cộng đồng đạt khoảng 29.890 triệu đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 36,8%/năm, trong đó tổng thu từ khách du lịch quốc tế là 12.870 triệu đồng và tổng thu từ khách du lịch nội địa là 17.020 triệu đồng.

- *Về số lượng cơ sở dịch vụ phục vụ lưu trú cộng đồng (homestay)*: Đến năm 2020 là 18 hộ, đến năm 2025 là 41 hộ, đến năm 2030 là 90 hộ.

b. Mục tiêu xã hội

Đến năm 2020 có 216 lao động (trong đó có 150 lao động qua đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ du lịch, chiếm 69,4%). Năm 2025 có 525 lao động (trong đó có 400 lao động qua đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ du lịch,

chiếm 76,2%). Đến năm 2030 có 1.217 lao động (trong đó có 900 lao động qua đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ du lịch, chiếm 74%).

c. Mục tiêu cải thiện môi trường, cấp thoát nước

Phân đầu đến năm 2025: 100% số hộ tham gia du lịch cộng đồng sử dụng nước sinh hoạt là nước hợp vệ sinh; 100% số hộ có nhà tiêu tự hoại hợp vệ sinh; 100% các điểm đến du lịch cộng đồng có nhà vệ sinh đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch; 100% nước thải và rác thải tại các khu vực tham quan du lịch cộng đồng được thu gom, xử lý đúng theo quy định; 100% thôn bản phát triển du lịch có khu chăn nuôi gia súc tập trung; không có hoạt động đốt rừng, phá hoại cảnh quan thiên nhiên; không có hoạt động săn bắn, buôn bán và tiêu thụ động vật hoang dã.

II. MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN DU LỊCH CỘNG ĐỒNG HUYỆN QUAN HÓA

1. Định hướng không gian phát triển du lịch cộng đồng

- Phân vùng không gian phát triển du lịch cộng đồng huyện Quan Hóa gắn chặt với 3 Khu bảo tồn thiên nhiên là: Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu, Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông và Khu bảo tồn các loài hạt trần quý, hiếm Nam Động.

- Phát triển du lịch cộng đồng tại 8 bản dân tộc, tương ứng với 7 xã gồm: bản Hang (Phú Lệ), bản Vinh Quang (Phú Nghiêm); bản En (Phú Thanh), bản Khoa (Phú Sơn), bản Bút (Nam Xuân), bản Bút Xuân (tại khu vực Hang Phi - Nam Xuân), bản Yên (Hiền Chung); bản Bâu (Nam Động).

- Các bản Hang, bản En và bản Yên là bản du lịch cộng đồng động lực, thúc đẩy các hoạt động du lịch phát triển tại các địa phương khác của huyện. Các bản Vinh Quang, bản Khoa, bản Bút, bản Bút Xuân và bản Bâu là các bản du lịch cộng đồng hỗ trợ; giúp đa dạng hóa các sản phẩm và hoạt động du lịch cộng đồng trên địa bàn huyện; giúp khai thác tốt hơn tài nguyên du lịch và liên kết các điểm du lịch với các bản du lịch cộng đồng động lực.

- Các khu, điểm du lịch tự nhiên và văn hóa giúp gắn kết các điểm bản du lịch cộng đồng, hình thành các tuyến du lịch và đa dạng hóa các hoạt động du lịch tại địa phương.

- Các bản dân tộc lân cận với các bản được định hướng phát triển du lịch cộng đồng liên kết với nhau hình thành “khu vực hỗ trợ phát triển”, cung cấp nông sản, nguyên liệu cho các bản du lịch cộng đồng, liên kết với bản du lịch cộng đồng để hình thành các tuyến thưởng ngoạn thiên nhiên và một số hoạt động trải nghiệm khác

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2019 - 2025: Ưu tiên đầu tư phát triển du lịch cộng đồng tại các bản Hang (Phú Lệ) và bản Bút Xuân (gắn với di tích hang Phi, xã Nam Xuân), bản Vinh Quang (Phú Nghiêm), bản En (Phú Thanh).

Giai đoạn 2026 - 2030: Vào thời kì đầu, đầu tư ưu tiên phát triển du lịch cộng đồng tại bản Bút (Nam Xuân), bản Bâu (Nam Động). Vào thời kì cuối, đầu tư phát triển du lịch cộng đồng tại bản Khoa (Phú Sơn), bản Yên (Hiền Chung).

2. Định hướng các loại hình, dịch vụ, sản phẩm du lịch cộng đồng

2.1. Các loại hình du lịch cộng đồng

- Du lịch cộng đồng gắn kết với du lịch lịch sử, văn hóa
- Du lịch cộng đồng gắn kết với khám phá thiên nhiên
- Du lịch cộng đồng kết hợp với sự kiện
- Du lịch cộng đồng kết hợp với giáo dục

2.2. Các dịch vụ du lịch cộng đồng

Tập trung phát triển và nâng cao chất lượng các dịch vụ: Dịch vụ lưu trú; dịch vụ ẩm thực; dịch vụ thưởng thức nghệ thuật; dịch vụ trải nghiệm; dịch vụ hướng dẫn, phụ trợ; dịch vụ mua sắm; dịch vụ vận chuyển.

2.3. Các sản phẩm du lịch cộng đồng

Loại hình DL	Sản phẩm du lịch chính	Đề xuất các hoạt động
Du lịch cộng đồng + lịch sử, văn hóa	Các chương trình homestay tại các bản	- Đi bộ dã ngoại. - Đạp xe khám phá. - Chèo thuyền khám phá.
	Các chương trình tham quan: - Tham quan di tích lịch sử văn hóa. - Tham quan bản làng dân tộc. - Tham quan khu sản xuất nông nghiệp.	- Tham quan chùa Ông, Động Bà. - Tham quan di tích hang Co Phường.
	- Chương trình du lịch lễ hội. - Chương trình du lịch kết hợp giá trị văn hóa nghệ thuật dân tộc.	- Tham gia lễ hội Mường Ca Da. - Tham gia lễ hội truyền thống của người dân địa phương.
	Du lịch mua sắm.	Tham quan chợ vùng cao.
Du lịch cộng đồng + khám phá thiên nhiên	Chương trình du lịch sinh thái tại các KBT.	- Săn ảnh động, thực vật. - Leo núi, chạy marathon. - Truy tìm điểm sinh vật.
	Chương trình du lịch tại các hang động (hang Co Luồng, hang Lũng Mu, hang Dùn...).	- Thăm hiểm hang động. - Săn ảnh. - Cắm trại.
	Chương trình du lịch gắn với sông nước (hồ Vĩnh Quang, hồ Pha Đay, sông Mã, sông Luồng).	- Chèo thuyền/lán/xuồng. - Bắt cá, nấu ăn. - Trò chơi dân gian.
	Chương trình du lịch trải nghiệm thiên nhiên.	- Cắm trại. - Đi bộ dã ngoại, đua xe đạp đường núi. - Thăm hiểm.
Du lịch cộng đồng + sự kiện	Các sự kiện văn hóa gắn với bản sắc người dân vùng cao tại huyện Quan Hóa như: lễ hội, chợ phiên ngày tết,... cùng các sự kiện văn hóa nghệ thuật.	Lễ hội bản làng. Các sự kiện thể thao: - Chạy marathon xuyên quốc gia. - Thể thao mạo hiểm.
Du lịch cộng đồng + giáo dục	Du lịch tình nguyện	- Giáo dục - Chăm sóc sức khỏe cho người dân
	Du lịch nghiên cứu, học tập	- Tìm hiểu sinh thái rừng tại các KBT - Tìm hiểu văn hóa người Thái, Mường

Một số sản phẩm du lịch đặc thù huyện Quan Hóa

a. Sản phẩm du lịch “Ẩm thực Quan Hóa”

<i>Đối tượng khách</i>	- Ưu tiên đối tượng khách đoàn (quốc tế, nội địa). - Ưu tiên đối tượng là các hộ gia đình.
<i>Địa điểm thực hiện</i>	- Bản Hang xã Phú Lệ. - Bản En xã Phú Thanh. - Bản Yên xã Hiền Chung. - Bản Bút xã Nam Xuân. - Bản Vinh Quang xã Phú Nghiêm.
<i>Hoạt động du khách</i>	- Du khách tự hái rau, câu cá, bắt gà,... tại các trang trại, vườn, khu sản xuất của cộng đồng địa phương. - Du khách câu cá trên hồ. - Du khách chế biến một số món ăn đặc sản dân tộc theo hướng dẫn của người dân địa phương. - Thường thức ẩm thực.
<i>Cộng đồng địa phương</i>	- Cộng đồng địa phương cung cấp nguyên liệu chế biến (rau sạch, hoa quả tươi, một số nông sản khác như gà, lợn,...) có chất lượng cao và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. - Người dân trong bản, đặc biệt là thành viên của Tổ ẩm thực hoặc những cá nhân khéo tay có khả năng chế biến món ăn hướng dẫn, dạy du khách chế biến một số đặc sản địa phương.

b. Sản phẩm du lịch “Trên đỉnh Pù Hu”

<i>Đối tượng khách</i>	- Khách ưa thích mạo hiểm, khám phá. - Khách nghiên cứu, tìm hiểu giá trị sinh học, sinh thái. - Khách tham gia hoạt động thể thao.
<i>Liên kết điểm bán</i>	- Tuyến 1: Bản En (Phú Thanh) - bản Khoa, bản Suối Tôn (Phú Sơn) - bản Cốc (Nam Tiến). - Tuyến 2: (Quan Sơn)- bản Yên (Hiền Chung) - thủy điện Trung Sơn.
<i>Cộng đồng địa phương</i>	- Cung cấp dịch vụ lưu trú cho du khách (homestay, cắm trại). - Cung cấp dịch vụ ẩm thực cho khách du lịch (có/ không có chế biến). - Cung cấp dịch vụ hướng dẫn khách du lịch. - Cung cấp dịch vụ vận chuyển, hậu cần khác.
<i>Hoạt động của du khách</i>	- Tại điểm xuất phát: Lưu trú homestay tại nhà dân, thưởng thức đặc sản ẩm thực địa phương - Tại điểm kết thúc: Lưu trú tại nhà dân (homestay, trang trại), thưởng thức đặc sản, đốt lửa hội trại và giao lưu văn nghệ. - Các hoạt động trên hành trình khám phá: + Hình thức tổ chức: Dã ngoại khám phá; Thi đấu giữa các nhóm/đội, Thử thách sinh tồn... + Lưu trú: cắm trại. + Hoạt động đề xuất: truy tìm “mẫu thực vật” trong rừng, truy tìm “kho báu” (đặt tại các hang động, điểm tài nguyên, địa danh cố định) trong rừng, chụp ảnh thiên nhiên, nghiên cứu đa dạng sinh thái...

c. Du lịch tình nguyện

<i>Đối tượng khách</i>	- Công dân trên 18 tuổi, có đủ năng lực hành vi dân sự. - Tình nguyện viên (người đi làm, học sinh sinh viên, hưu trí...).
<i>Địa điểm thực hiện</i>	- Áp dụng ở tất cả các điểm bản trên địa bàn huyện.
<i>Hoạt động du khách</i>	- Dạy học cho trẻ em (tiếng anh, kỹ năng sống,...). - Phát triển kỹ năng làm du lịch cho người dân bản địa. - Xây dựng cơ sở hạ tầng (sửa sang lớp học, làm đường, trồng cây xanh, sửa chữa nhà dân...). - Chăm sóc sức khỏe cho người dân. - Phổ biến kiến thức về nông nghiệp sạch, nông nghiệp công nghệ cao. - Vệ sinh môi trường (vệ sinh làng xóm, nhặt rác, xử lý rác thải). - Bảo vệ môi trường (trồng cây xanh).
<i>Cộng đồng địa phương</i>	- Cung cấp chỗ nghỉ cho khách. - Cung cấp thực phẩm cho khách.
<i>Liên kết thực hiện</i>	- Các tổ chức phi chính phủ, các doanh nghiệp lữ hành; Hội, đoàn thanh niên, các tổ chức tình nguyện. - Tham khảo các tổ chức và đơn vị tổ chức du lịch tình nguyện: World Wide Opportunities on Organic Farms; Volunteer for a conservation project; HF Holidays; Humanitours; Volunteer for Education..

d. Sản phẩm du lịch “ Xuôi dòng sông Mã”

<i>Đối tượng khách</i>	- Khách yêu thích mạo hiểm, khám phá thiên nhiên. - Khách yêu thích tìm hiểu văn hóa.
<i>Liên kết điểm bản</i>	- Tất cả các bản nằm bên sông Mã. - Khai thác trọng tâm: thủy điện Trung Sơn, bản En (Phú Thanh).
<i>Hoạt động du khách</i>	- Ngắm cảnh hai bên sông. - Chèo mảng. - Chèo thuyền kayak. - Câu cá trên sông. - Khám phá các điểm cảnh quan đẹp trên sông.
<i>Thời gian khai thác</i>	Thời kỳ mùa khô: tháng 3, tháng 4, tháng 10, tháng 11.
<i>Cộng đồng địa phương</i>	- Cung cấp dịch vụ cho thuê phương tiện: mảng, thuyền kayak. - Chèo thuyền đưa du khách đi khám phá. - Hướng dẫn du khách (thuyết minh).

3. Định hướng hình thành các khu, điểm du lịch cộng đồng trên địa bàn huyện Quan Hóa

3.1. Tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Luông

a. Du lịch cộng đồng bản Hang

- Vị trí: Bản Hang, xã Phú Lệ.
- Tiếp cận: Cách trục đường Quốc lộ 15C khoảng 2km.

- Sản phẩm và dịch vụ nổi bật: Lưu trú homestay chất lượng cao; ẩm thực dân tộc; trải nghiệm sản xuất nông - lâm - ngư; thám hiểm Khu bảo tồn Pù Luông; sự kiện thể thao liên bản (Khu vực KBT Pù Luông); chăm sóc sức khỏe bằng phương thức cổ truyền (thuốc nam); giao lưu văn nghệ địa phương; du lịch gắn với các hoạt động tình nguyện vì cộng đồng tại địa phương.

b. Du lịch cộng đồng bản Vinh Quang

- Vị trí: Hạt nhân phát triển: Bản Vinh Quang, xã Phú Nghiêm; các khu động lực hỗ trợ: bản Nghèo, bản Khó, bản Đồng Tâm, bản Pọng, bản Ka Me.

- Tiếp cận: cách trục đường QL15 khoảng 5km.

- Sản phẩm và dịch vụ du lịch nổi bật: Chèo thuyền trên hồ Vinh Quang; hoạt động tâm linh tại chùa Ông; tham gia lễ hội Mường Ca Da; trải nghiệm sản xuất nông-lâm nghiệp; câu cá trên hồ Vinh Quang; đạp xe ngắm cảnh; giao lưu văn nghệ; lưu trú homestay; ẩm thực dân tộc; du lịch gắn với hoạt động tình nguyện tại cộng đồng; thăm cây thị bản Pọng.

3.2. Tại Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hu

a. Du lịch cộng đồng bản En

- Vị trí: bản En, xã Phú Thanh.

- Tiếp cận: Từ cầu bản Chiềng, xã Phú Sơn tới bản En: 7km; Từ QL15 (ngã ba Co Lưong) tới bản En (bến sông): 3km.

- Sản phẩm và dịch vụ nổi bật: Lưu trú homestay chất lượng cao; chèo thuyền trên sông Mã; trải nghiệm sản xuất nông - lâm nghiệp; khám phá hang động; leo núi, du lịch mạo hiểm; học nấu ăn; ẩm thực dân tộc; giao lưu văn nghệ truyền thống; mua sắm đồ lưu niệm; du lịch tình nguyện.

b. Du lịch cộng đồng bản Yên

- Vị trí: bản Yên, xã Hiền Chung

- Tiếp cận: Bản Yên cách trung tâm huyện, UBND huyện Quan Hóa 43km; cách Cửa khẩu Quốc tế Na Mèo (Quan Sơn) 45km.

- Sản phẩm và dịch vụ nổi bật: Trải nghiệm canh tác nông-lâm- ngư; lưu trú homestay; ẩm thực địa phương; giao lưu văn hóa văn nghệ; sự kiện lễ hội (truyền thống, hiện đại); du lịch tình nguyện; học nấu các món ăn dân tộc; leo núi, thám hiểm rừng.

c. Du lịch cộng đồng bản Khoa

- Vị trí: Trung tâm phát triển chính: bản Khoa, xã Phú Sơn; khu vực hỗ trợ: Bản Suối Tôn, bản Ôn, bản Chiềng.

- Tiếp cận: Bản Khoa tới cầu Phú Sơn 10km.

- Sản phẩm và dịch vụ nổi bật: Thể thao, thể thao mạo hiểm; khám phá thác nước; leo núi, khám phá; lưu trú tại nhà dân; giao lưu văn nghệ; trải nghiệm sản xuất nông - lâm nghiệp; du lịch tình nguyện.

d. Du lịch cộng đồng bản Bút

- Vị trí: bản Bút, xã Nam Xuân.
- Tiếp cận: bản Bút cách UBND huyện Quan Hóa 7km.
- Sản phẩm và dịch vụ nổi bật: Khám phá hồ Pha Đay; trải nghiệm sản xuất nông nghiệp; lưu trú homestay; ẩm thực dân tộc; giao lưu văn nghệ; đạp xe ngắm cảnh; câu cá trên hồ; du lịch tình nguyện tại cộng đồng.

e. Du lịch cộng đồng bản Bút Xuân

- Vị trí: bản Bút Xuân, xã Nam Xuân
- Tiếp cận: Cách UBND huyện Quan Hóa 4,2km (7 phút đi ô tô), nằm trong quần thể Khu di tích hang Phi.
- Sản phẩm và dịch vụ nổi bật: Lưu trú tại nhà dân; giao lưu văn hóa, văn nghệ; thưởng thức ẩm thực dân tộc; tham quan Khu di tích hang Phi, hang Lũng Mù; ngắm cảnh bản làng; du lịch tình nguyện; nghiên cứu, tìm hiểu văn hóa động táng của người xưa.

3.3. Tại Khu bảo tồn các loại hạt trần quý - hiếm Nam Động: Du lịch cộng đồng bản Bâu

- Vị trí: bản Bâu, xã Nam Động.
- Tiếp cận: Bản Bâu cách trung tâm, UBND huyện Quan Hóa 37km.
- Sản phẩm và dịch vụ du lịch: Thăm hiểm, leo núi Pha Phanh; trải nghiệm sản xuất nông - lâm nghiệp; chèo thuyền trên sông; đạp xe ngắm cảnh quanh bản; lưu trú homestay tại nhà dân, lưu trú trong rừng; giao lưu văn nghệ; nghiên cứu, học tập giá trị sinh thái; du lịch tình nguyện.

4. Định hướng liên kết xây dựng sản phẩm

4.1. Liên kết các tuyến nội huyện

- Tuyến du lịch “Xuôi dòng sông Mã” đi qua các điểm: Thủy điện Trung Sơn - Thủy điện Thành Sơn - Bản En - Thủy điện Hồi Xuân - Khu du lịch sinh thái Mường Ca Da - Thị trấn Quan Hóa (một số công trình thủy điện đang và sẽ hoàn thiện trong thời gian tới).

- Tuyến du lịch “Bên dòng sông Luông” với các điểm du lịch: Bản Bâu - Bản Lở - Bản Bút - Hang Phi - Thị trấn Quan Hóa.

- Tuyến Bản En - Hang Dùn - Di tích Pha U Hồ - Đỉnh Pù Hu - Bản Khoa - Thác Cánh Cún - Động Thắm Sung (xã Phú Sơn) - Bản Cốc - Hang Phi - Bản Bút.

- Tuyến cầu Na Sài – hang Na – chùa Ông động Bà – hang Bà Bằng – hang Co Luông – bản du lịch cộng đồng hang Phi.

- Tuyến thủy điện Trung Sơn - Bản Yên: Thủy điện Trung Sơn - Đỉnh Pù Hu - Bản Yên - (Mường Lát)

- Tuyến khám phá hang động: Hang Dùn - Di tích Pha U Hồ - hang Thắm Sung (xã Phú Sơn) - hang Thắm Páng (xã Phú Sơn) - Di tích Hang Phi.

- Tuyến Chùa Ông, động Bà - Khu di tích hang Phi - Đền thờ Thượng tướng Thống lĩnh quân Khâm Ban - Hang Co Luông - Khu di tích hang Co Phường.

4.2. Liên kết các tuyến liên huyện, liên vùng

a. Các tuyến liên kết với huyện Quan Sơn

- Bản En - Đình Pù Hu - Bản Khoa - Thác Sơn Dương - Bản Cốc - Đền thờ Tư Mã Hai Đào - Cửa khẩu quốc tế Na Mèo.

- Thủy điện Trung Sơn - Đình Pù Hù - Bản Yên - Bản Chanh - Động Bo Cúng - Đền thờ Tư Mã Hai Đào - cửa khẩu quốc tế Na Mèo.

- Thị trấn Quan Hóa - Bản Bút - Động Bo Cúng - Thác bản Nhài - Thị trấn Quan Sơn.

- Thị trấn Quan Hóa - Bản Bút - Bản Bâu - Núi Pha Phan - Bản Sủ - Thác bản Nhài - Thị trấn Quan Sơn.

- Thủy điện Trung Sơn - Bản Yên - Bản Bâu - Núi Pha Phan - Thác bản Nhài - Cửa khẩu Na Mèo.

b. Các tuyến liên kết với huyện Bá Thước

- Bản Hang - Bản Đôn - Kho Mường

- Thủy điện Trung Sơn - Bản Hang - Bản Kho Mường.

- Thị trấn Quan Hóa - Hang Co Luông - Bản Vinh Quang - Guồng nước Pù Luông - Kho Mường - bản Hang.

- Thủy điện Trung Sơn - Bản Yên - Bản Bút - Guồng nước Pù Luông - Kho Mường - bản Hang.

c. Các tuyến liên kết với huyện Mường Lát

- Bản En - Thủy điện Trung Sơn - Bản Yên - Đình Pha Luông (bản Sài Khao) - Bản Lát (thị trấn Mường Lát) - Cửa khẩu Tén Tẩn.

- Thị trấn Quan Hóa - Hang Phi - Bản Bút - Đình Pha Luông (bản Sài Khao) - Bản Lát (thị trấn Mường Lát) - Cửa khẩu Tén Tẩn.

d. Các tuyến liên kết với huyện khác trong tỉnh Thanh Hóa

- Thị trấn Quan Hóa - Khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên (Thường Xuân) – Vườn quốc gia Bến En (Như Xuân, Như Thanh).

- Thị trấn Quan Hóa - Thác Ma Hao (Lang Chánh) - Suối cá thần Cẩm Lương (Cẩm Thủy) – Di sản văn hóa thế giới Thành nhà Hồ (Vĩnh Lộc).

- Thị trấn Quan Hóa - Thác Ma Hao (Lang Chánh) - Khu di tích quốc gia đặc biệt Lam Kinh (Thọ Xuân) - Khu di tích Am Tiên (núi Nưa, Triệu Sơn).

e. Các tuyến liên kết liên tỉnh và quốc gia

- Hà Nội - Mai Châu - Quan Hóa - Bá Thước - Ninh Bình.

- Hà Nội - Mai Châu - Quan Hóa - Sầm Sơn - Ninh Bình.

- Sầm Sơn - Quan Hóa - Mộc Châu - Điện Biên Phủ.

- Hà Nội - Mai Châu - Quan Hóa - Bá Thước - Quan Sơn - Lào.
- Sầm Sơn - Đông Sơn - Thọ Xuân - Quan Hóa - Quan Sơn - Lào.

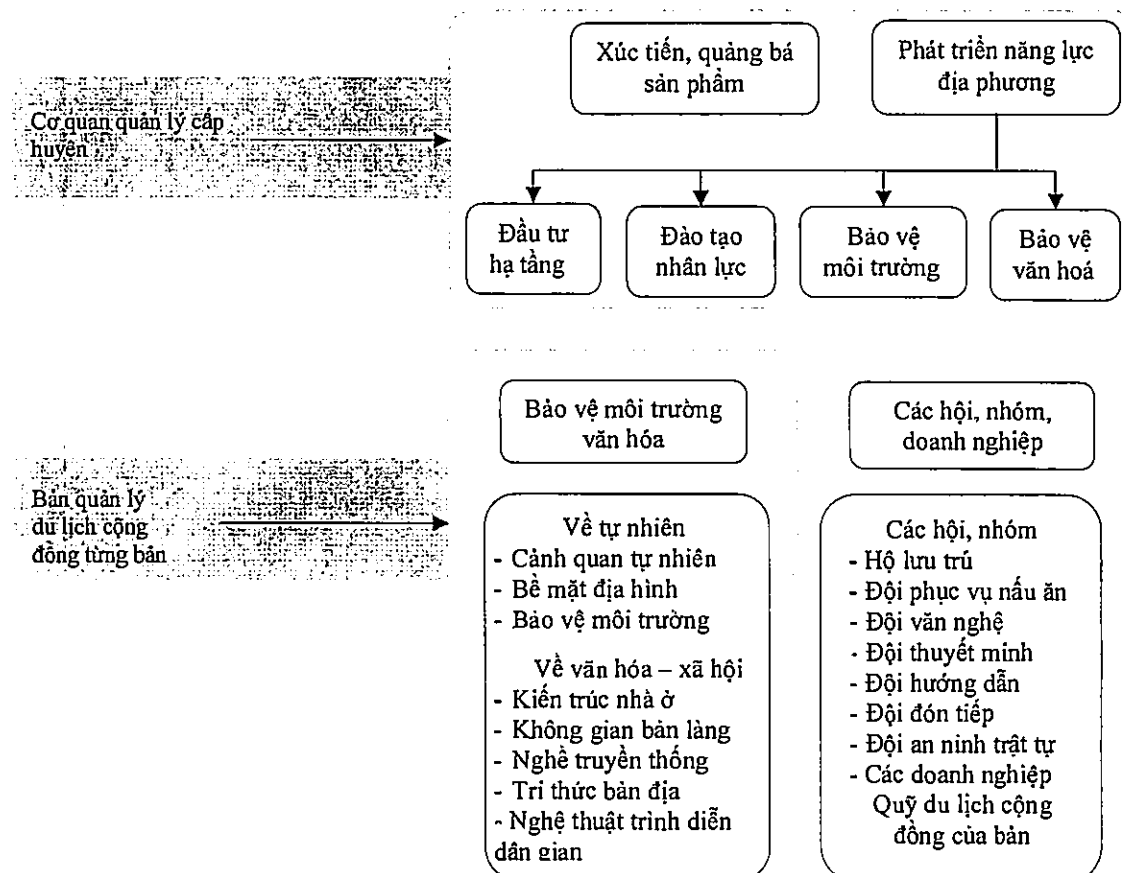
5. Định hướng thị trường khách du lịch

- *Thị trường khách nội địa:* Thị trường mục tiêu: Khách du lịch nội tỉnh; khách du lịch từ Hà Nội và các tỉnh lân cận (đồng bằng sông Hồng) mong muốn trải nghiệm cuộc sống, tìm hiểu văn hóa, du lịch sinh thái tại địa phương; nhóm khách đi du lịch gắn với nghiên cứu học thuật, học tập; nhóm khách du lịch tình nguyện; nhóm khách thám hiểm, thể thao mạo hiểm.

- *Thị trường khách du lịch quốc tế:* Tập trung vào khai thác thị trường khách là chuyên gia người Nhật Bản, Hàn Quốc... tại các khu công nghiệp của tỉnh và các tỉnh lân cận; khách du lịch từ Lào qua Cửa khẩu Quốc tế Na Mèo...; các nhóm khách các nước Tây Âu (Pháp, Đức, Tây Ban Nha...), Canada, Úc, Nhật Bản (đặc biệt là nhóm đặc thù về du lịch cộng đồng, du lịch khám phá, du lịch sinh thái) và nhóm khách du lịch cộng đồng từ các địa phương lân cận là huyện Bá Thước và huyện Mai Châu (Hòa Bình).

6. Tổ chức quản lý khai thác

Tổ chức quản lý và điều hành các hoạt động du lịch cộng đồng hoạt động ở hai phân cấp: Tổ chức quản lý chung cấp huyện và tổ chức quản lý tại từng mô hình bản. Các tổ chức hoạt động theo quy định của nhà nước về phát triển du lịch cộng đồng. Cơ cấu tổ chức chung đối với các bản du lịch cộng đồng như sau:



III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về quy hoạch, đầu tư

- Tập trung đẩy mạnh công tác bảo tồn, tôn tạo di tích, cảnh quan môi trường du lịch; đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác xây dựng hạ tầng tới các khu, điểm du lịch, các điểm bản và các quy hoạch về hạ tầng khác đang triển khai.

- Lồng ghép các mục tiêu phát triển du lịch trên địa bàn vào các nội dung về quy hoạch ngành, lĩnh vực nhằm nâng cao hiệu quả khai thác và phát huy tài nguyên.

- Dành nguồn ngân sách thỏa đáng đầu tư phát triển các sản phẩm du lịch; ưu tiên phát triển sản phẩm, dịch vụ du lịch cộng đồng tại các điểm bản định hướng là điểm bản du lịch cộng đồng động lực.

- Thực hiện chiến lược đầu tư theo mức độ ưu tiên, theo khu vực ưu tiên và thực hiện định hướng đầu tư; cụ thể: Đầu tư hệ thống giao thông (đường giao thông tới các thôn, bản, tới các điểm du lịch và khu du lịch); điện sinh hoạt, nước sạch và vệ sinh môi trường (hệ thống cấp điện, cấp nước, các công trình phục vụ viễn thông và nhà vệ sinh, xử lý rác thải); xây dựng các công trình hỗ trợ (xây dựng nhà văn hóa bản, bãi đỗ xe, nhà vệ sinh đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch).

2. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về nguồn lực

- Tranh thủ nguồn vốn từ ngân sách tỉnh với ngân sách địa phương, tăng cường nguồn lực xã hội hoá đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, các điểm du lịch. Tạo điều kiện thuận lợi, đơn giản hóa các thủ tục hành chính để thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào phát triển du lịch cộng đồng; tạo hành lang thông thoáng, bình đẳng giữa các nhà đầu tư trong và ngoài tỉnh, nhà nước và tư nhân; mở rộng các hình thức thu hút đầu tư, tận dụng nguồn vốn của các tổ chức quốc tế; có cơ chế ưu đãi cho các doanh nghiệp đầu tư phát triển du lịch cộng đồng.

- Có chính sách khuyến khích đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực địa phương phục vụ trong các hoạt động du lịch.

- Ban quản lý du lịch cộng đồng của huyện cần chủ động huy động tài trợ từ các tổ chức phi chính phủ thông qua các dự án nâng cao năng lực cộng đồng, phát triển sinh kế bền vững... cho cộng đồng địa phương.

- Cộng đồng dân cư địa phương cần tích cực, chủ động, chung tay với chính quyền và doanh nghiệp trong đầu tư phát triển thông qua các hình thức đóng góp về vốn, về sức lao động...

3. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về phát triển sản phẩm

- Liên kết chặt chẽ với huyện Mai Châu, tỉnh Hoà Bình và các huyện trong tỉnh, các công ty lữ hành trong việc xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động quảng bá, xúc tiến, tổ chức tour và cung cấp sản phẩm du lịch, liên kết tour, thu hút du khách, chia sẻ kinh nghiệm quản lý du lịch.

- Thu hút các dự án đầu tư du lịch cộng đồng và tạo dựng thương hiệu gắn với đặc trưng về tự nhiên, văn hóa dân tộc, hoạt động sinh kế của mỗi bản; tập trung đầu tư xây dựng sản phẩm, dịch vụ du lịch tạo ra trải nghiệm phục vụ du lịch.

Xây dựng chính sách phát triển sản phẩm đặc trưng, hỗ trợ các nguồn lực từ Trung ương tới địa phương trong xây dựng tạo sản phẩm du lịch.

- Nghiên cứu, khôi phục và phát huy các điệu múa điệu hát truyền thống là nguồn lực cho phát triển sản phẩm thương thức văn hóa nghệ thuật.

- Hiện thực hóa các dịch vụ bằng cách thực hiện song song công tác đầu tư trang thiết bị, hạ tầng và nâng cao năng lực cho cộng đồng.

4. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về xúc tiến, quảng bá

- Tiếp tục quảng bá hình ảnh du lịch Quan Hoá thông qua các chương trình quảng cáo có tính chất chuyên nghiệp bằng hình ảnh, đa dạng hoá các hình thức thông tin tuyên truyền một cách thường xuyên; tham gia thường xuyên các hội chợ triển lãm, hội nghị, hội thảo du lịch...; xây dựng và hoạt động chuyên mục về du lịch trên Đài truyền hình huyện. Phát hành các ấn phẩm quảng bá về điểm đến du lịch và đặc sắc văn hóa của địa phương dưới hình thức sách, sổ tay du lịch, bản đồ, video,... Xây dựng trang web về du lịch nói chung và du lịch cộng đồng nói riêng của huyện, kết nối với mạng lưới du lịch và du lịch cộng đồng của tỉnh và quốc gia; thường xuyên cập nhật thông tin, hình ảnh, các chương trình du lịch của địa bàn.

- Tăng cường công tác liên kết trong quảng bá du lịch: Liên kết với huyện Mai Châu (Hòa Bình); Bá Thước, Quan Sơn, Mường Lát (Thanh Hóa) trong việc xây dựng kế hoạch và tổ chức hoạt động quảng bá, hình thành tour du lịch liên huyện; liên kết với các hiệp hội và các công ty du lịch lữ hành trong và ngoài tỉnh để giới thiệu sản phẩm du lịch của huyện, tổ chức tua quảng bá kết nối các địa điểm du lịch trong huyện với một số địa điểm nổi tiếng ở các vùng lân cận.

- Xây dựng nội dung thuyết minh, hướng dẫn tại các khu du lịch, điểm tham quan trên địa bàn huyện. Phối hợp với ngành văn hóa và các ngành liên quan nghiên cứu, khôi phục và phát triển các giá trị văn hóa của huyện để phát triển sáng tạo các sản phẩm du lịch.

- Khuyến khích các cơ sở kinh doanh, các nhà đầu tư, các tổ chức và nhân dân trong huyện tích cực tham gia công tác tuyên truyền quảng bá xúc tiến du lịch.

- Phát triển du lịch tình nguyện với định hướng trở thành một công cụ quảng bá hữu hiệu cho hình ảnh du lịch cộng đồng huyện Quan Hóa.

5. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về đảm bảo môi trường, phát triển bền vững

- Tăng cường quản lý nhà nước về du lịch, dịch vụ du lịch, quản lý giá cả, có những giải pháp cương quyết làm lành mạnh hóa môi trường du lịch, dịch vụ du lịch; vận động nhân dân xây dựng nếp sống văn minh trong hoạt động du lịch; có biện pháp chế tài, xử lý các hành vi ảnh hưởng đến môi trường kinh doanh du lịch, dịch vụ du lịch.

- Xây dựng quy định chung về bảo tồn trong phát triển du lịch cộng đồng huyện Quan Hóa. Tuân thủ các nguyên tắc, quy định phát triển bền vững trong du lịch và các quy định về bảo tồn tại các Khu Bảo tồn thiên nhiên. Đẩy mạnh phát triển hệ thống cây xanh, hoa ở nơi công cộng, khu du lịch, góp phần hấp dẫn, thu hút khách và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Phối hợp với ngành

môi trường và các bên liên quan trong việc kiểm soát môi trường, từng bước cải thiện môi trường sinh thái, đặc biệt là nguồn nước. Có chính sách ưu đãi trong việc huy động vốn đầu tư trong lĩnh vực bảo vệ và tôn tạo nâng cao chất lượng môi trường du lịch.

- Phát triển các chương trình giáo dục toàn dân và giáo dục trong các trường học về tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường và văn hóa; lồng ghép giáo dục văn hóa, môi trường trong chương trình đào tạo phổ thông và truyền thông cộng đồng.

- Đưa nội dung giám sát tài nguyên và môi trường du lịch (bao gồm cả tự nhiên và nhân văn) vào các nội dung báo cáo định kỳ của huyện; trong đó tập trung vào cảnh quan thiên nhiên và văn hóa dân tộc bản địa.

6. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

6.1. Đối với cán bộ quản lý

- Điều tra phân loại trình độ nghiệp vụ của toàn thể cán bộ nhân viên và lao động hiện đang làm việc trong ngành du lịch của huyện để đưa ra kế hoạch đào tạo cụ thể cho từng nhóm đối tượng; quan tâm thực hiện thường xuyên hoạt động đào tạo bổ sung, đào tạo lại cho lao động.

- Có kế hoạch phát triển nguồn nhân lực quản lý đối với cán bộ chủ chốt của phòng Văn hóa huyện, cán bộ văn hóa xã, Ban quản lý du lịch cộng đồng. Thường xuyên nắm bắt, phân tích các kỹ năng cần thiết của các đội ngũ cán bộ quản lý, hoàn thiện và chấn chỉnh các điểm còn yếu kém.

- Tăng cường hợp tác, liên kết với các địa phương trong và ngoài tỉnh trao đổi nâng cao năng lực kinh nghiệm nguồn nhân lực quản lý.

6.2. Đối với cộng đồng dân cư

- Xây dựng và thực hiện các chương trình riêng đào tạo người dân du lịch cộng đồng theo đúng định hướng của huyện và đảm bảo du lịch bền vững; huy động các nguồn lực trong việc đào tạo, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn để đào tạo du lịch trong quá trình chuyển đổi nghề nghiệp. Lồng ghép các chương trình đào tạo du lịch bền vững, bảo vệ môi trường, bảo vệ văn hóa trong các hoạt động đào tạo cộng đồng và đào tạo nghề du lịch.

- Quan tâm phát triển nguồn nhân lực du lịch chất lượng cao; thu hút và giữ chân người tài; tăng cường sự hợp tác trao đổi học tập kinh nghiệm thông qua các chuyến khảo sát, học hỏi mô hình du lịch của các địa phương khác trong thời gian đầu triển khai, xây dựng sản phẩm.

7. Nhóm giải pháp về quản lý nhà nước

- Xây dựng Quy chế quản lý du lịch trên địa bàn huyện phù hợp với khả năng của cộng đồng dân cư địa phương, xây dựng cơ chế phối hợp trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch và tổ chức khai thác, phát triển du lịch.

- Vận dụng linh hoạt Luật đầu tư trong nước và nước ngoài tại Việt Nam, có cơ chế thuận lợi cho việc thuê đất, phát triển các dự án du lịch của doanh nghiệp theo hướng đảm bảo đem lại lợi ích cho cộng đồng; khuyến khích giao đất sạch cho

nhà đầu tư tại các khu vực lân cận được định hướng phát triển du lịch cộng đồng.

- Tăng cường quản lý nhà nước trên các lĩnh vực an ninh trật tự, an toàn xã hội, an toàn đầu tư, chống lấn chiếm sử dụng đất trái phép, khai thác tài nguyên trái phép, bảo vệ sự trong lành của môi trường tự nhiên.

- Thực hiện tốt Quy chế phối hợp bảo vệ môi trường trong hoạt động văn hóa, lễ hội, thể thao, du lịch được quy định tại Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 14/9/2018 của UBND tỉnh.

IV. CÁC DỰ ÁN TRIỂN KHAI

1. Nhóm dự án quy hoạch đầu tư	: 46.500 triệu đồng
2. Nhóm dự án bảo vệ tài nguyên môi trường du lịch	: 59.500 triệu đồng
3. Nhóm dự án đầu tư phát triển sản phẩm du lịch	: 51.000 triệu đồng
4. Nhóm bảo tồn, tôn tạo di tích và tài nguyên du lịch, phát huy giá trị văn hóa phục vụ phát triển du lịch	: 7.000 triệu đồng
5. Nhóm dự án nâng cao năng lực cộng đồng	: 4.100 triệu đồng
6. Nhóm dự án xúc tiến, quảng bá	: 6.100 triệu đồng.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Tổng kinh phí dự kiến thực hiện	: 174.200 triệu đồng
2. Nguồn kinh phí:	
- Ngân sách tỉnh	: 24.800 triệu đồng
- Ngân sách huyện, xã	: 57.220 triệu đồng
- Nguồn xã hội hóa	: 92.180 triệu đồng

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

UBND huyện Quan Hóa có trách nhiệm ưu tiên bố trí ngân sách huyện, xã và phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan đẩy mạnh công tác thu hút các nguồn lực xã hội hóa triển khai Đề án.

Hàng năm, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch đầu tư và các đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ chủ động tham mưu cho UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bố trí hỗ trợ UBND huyện Quan Hóa triển khai thực hiện Đề án theo khả năng cân đối ngân sách địa phương.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. UBND huyện Quan Hóa

- Xây dựng Kế hoạch hàng năm triển khai thực hiện phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; nghiên cứu xây dựng sản phẩm du lịch đặc thù, đủ khả năng cạnh tranh trong vùng và khu vực; đảm bảo hoàn thành các mục tiêu phát triển du lịch đề ra tại Đề án.

- Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các sở, ban, ngành liên quan trong việc xây dựng, chỉ đạo và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch, dự án

đầu tư phát triển du lịch tại các xã, đào tạo nguồn nhân lực du lịch; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, xử lý các vi phạm trong hoạt động du lịch; thường xuyên tổ chức đánh giá rút kinh nghiệm để tổ chức thực hiện có hiệu quả.

2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Phối hợp với UBND huyện Quan Hóa triển khai hiệu quả Đề án phát triển du lịch cộng đồng tại huyện Quan Hóa; thực hiện lồng ghép kế hoạch, chương trình, quy hoạch phát triển du lịch toàn tỉnh với phát triển du lịch tại huyện Quan Hóa; đồng thời, tăng cường công tác hướng dẫn nghiệp vụ, kiểm tra giám sát hoạt động du lịch nói chung và du lịch cộng đồng nói riêng trên địa bàn huyện Quan Hóa.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chủ trì nghiên cứu xây dựng mô hình, dự án phát triển các cây dược liệu, cây nông nghiệp, cây lâm nghiệp, rau sạch,... gắn với phát triển du lịch trên địa bàn huyện Quan Hóa. Chỉ đạo các đơn vị thuộc quyền quản lý tổ chức tốt công tác bảo vệ tài nguyên rừng, bảo vệ cảnh quan, môi trường rừng. Thực hiện lồng ghép thực hiện các chương trình, dự án, kế hoạch liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn gắn với phát triển du lịch trên địa bàn huyện Quan Hóa.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện các dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật tại huyện Quan Hóa phục vụ phát triển du lịch; tạo điều kiện thuận lợi về thủ tục hành chính, cung cấp thông tin, tư vấn giúp các chủ đầu tư lựa chọn địa điểm thực hiện các dự án kinh doanh du lịch hiệu quả tại huyện Quan Hóa.

5. Sở Tài chính: Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu cho UBND tỉnh hỗ trợ kinh phí triển khai các Dự án, Chương trình, Kế hoạch phát triển du lịch cộng đồng tại huyện Quan Hóa..

6. Sở Tài nguyên và Môi trường: Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát xây dựng phương án, kế hoạch bảo vệ tài nguyên môi trường tại các điểm đến du lịch trên địa bàn huyện. Phối hợp với các Sở, ngành trong công tác tuyên truyền vận động người dân, du khách bảo vệ môi trường nước, không khí, chất thải, khí thải... tại các bản du lịch cộng đồng và tại các khu du lịch, điểm du lịch trên địa bàn huyện.

7. Sở Xây dựng: Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát công tác triển khai thực hiện quy hoạch thuộc thẩm quyền quản lý, tránh tình trạng xây dựng phá vỡ cảnh quan, môi trường sinh thái khu vực thực hiện đề án. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật trong lĩnh vực xây dựng, gồm các khâu: Lập và quản lý thực hiện công tác quy hoạch xây dựng, quản lý hoạt động xây dựng, dự án đầu tư xây dựng theo phân cấp.

8. Sở Giao thông vận tải: Lồng ghép các mục tiêu phát triển du lịch cộng đồng huyện Quan Hóa trong các dự án, đề án liên quan do Sở thực hiện. Phối hợp với các ngành, đơn vị liên quan kiểm tra chặt chẽ công tác đăng ký đăng kiểm phương tiện theo quy định. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ hoạt động vận chuyển khách du lịch theo quy định.

9. Sở Công Thương: Hỗ trợ UBND huyện Quan Hóa thực hiện các hoạt động khôi phục các nghề, làng nghề truyền thống công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn; hỗ trợ địa phương quảng bá, giới thiệu và xây dựng thương

hiệu các sản phẩm thủ công mỹ nghệ, hàng nông sản, đặc sản của địa phương.

10. Ban dân tộc: Phối hợp với các cơ quan, ban ngành liên quan trong công tác bảo tồn và phát huy các giá trị truyền thống của địa phương, thực hiện mục tiêu phát triển du lịch cộng đồng huyện Quan Hóa

11. Trung tâm xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh: Hỗ trợ UBND huyện Quan Hóa thực hiện quảng bá du lịch trên các ấn phẩm quảng bá của tỉnh; giới thiệu các chương trình du lịch tình nguyện tại Quan Hóa tới các tổ chức phi Chính phủ và các tổ chức tình nguyện.

12. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Thanh Hóa: Quan tâm thực hiện tuyên truyền, quảng bá, tăng cường thời lượng, tỉ bài giới thiệu tiềm năng du lịch, điều kiện tự nhiên kinh tế - xã hội và các chính sách thu hút đầu tư phát triển du lịch (hạ tầng du lịch...) của huyện Quan Hóa; đưa tin về các điểm đến du lịch, các sự kiện du lịch diễn ra trên địa bàn huyện.

13. Hiệp hội Du lịch Thanh Hóa: Phối hợp, hỗ trợ UBND huyện Quan Hóa trong công tác tổ chức đào tạo, nâng cao năng lực cộng đồng (các kỹ năng phục vụ khách du lịch); tổ chức tham quan, học tập kinh nghiệm cho cán bộ quản lý và người dân địa phương; tổ chức đoàn quảng bá du lịch (farmtrip) để giới thiệu và phát triển du lịch tại huyện; kết hợp với các đơn vị liên quan tổ chức các sự kiện, lễ hội nhằm xúc tiến phát triển du lịch.

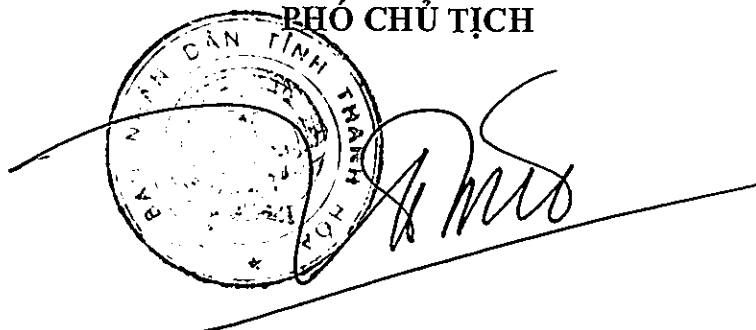
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Tài nguyên và Môi trường; Xây dựng; Giao thông vận tải; Công thương; Ban Dân tộc; Trung tâm xúc tiến Đầu tư Thương mại và Du lịch tỉnh; Đài phát thanh và Truyền hình tỉnh; Báo Thanh Hóa; các Sở, ngành khác có liên quan của tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Quan Hóa; Hiệp hội Du lịch Thanh Hóa; lãnh đạo các Đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

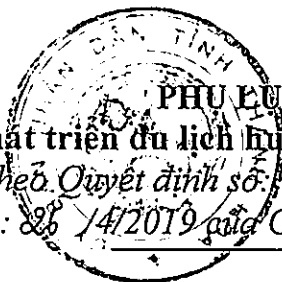
Nơi nhận:

- Như Điều 2 QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC (VA10524)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

The image shows an official circular stamp of the Provincial People's Committee (Ban Dân Tỉnh Thanh Hóa) with a handwritten signature in black ink over it. The signature is written in a cursive style.

Lê Thị Thìn



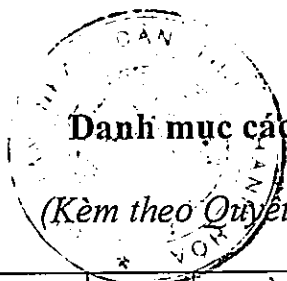
PHỤ LỤC 01

Các chỉ tiêu phát triển du lịch huyện Quan Hóa đến năm 2030

(Kèm theo Quyết định số: 1574 /QĐ-UBND

ngày: 28 /4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2025	Năm 2030
1	Tổng lượng khách	4.900	11.200	24.700
	- Khách quốc tế	3.400	7.800	9.900
	- Khách nội địa	1.500	3.400	14.800
	Tốc độ phát triển bình quân lượng khách (%/năm)	31,6	25,7	24,1
2	Tổng thu từ khách du lịch (đơn vị: triệu đồng)	4.025	10.520	29.890
	- Khách quốc tế	3.020	7.800	12.870
	- Khách nội địa	1.005	2.720	17.020
3	Số lao động (lao động)	216	525	1.217
	Theo mức độ đóng góp			
	- Trực tiếp	54	123	270
	- Gián tiếp	162	403	947
	Theo đào tạo			
	+ Lao động qua đào tạo	150	400	900
	+ Lao động chưa qua đào tạo	66	125	317
4	Số cơ sở dịch vụ lưu trú homestay	18	41	90



PHỤ LỤC 02

Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư phát triển du lịch cộng đồng tại huyện Quan Hóa đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030

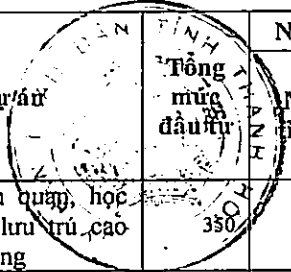
(Kèm theo Quyết định số: 1574 /QĐ-UBND ngày: 26 /4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên dự án	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn 2019 - 2030			Phân kỳ thực hiện												Ghi chú
			NS tỉnh	NS huyện, xã	Xã hội hóa	Giai đoạn 2019-2020				Giai đoạn 2021-2025				Giai đoạn 2026-2030				
						Tổng kinh phí	NS tỉnh	NS huyện, xã	Xã hội hóa	Tổng kinh phí	NS tỉnh	NS huyện, xã	Xã hội hóa	Tổng kinh phí	NS tỉnh	NS huyện, xã	Xã hội hóa	
	Tổng	174,200	24,800	57,220	92,180	20,8 50	1,200	7,870	11,780	75,100	10,650	26,500	37,950	78,250	12,950	22,850	42,450	
I	Nhóm dự án quy hoạch đầu tư	46,500	18,250	20,850	7,400	2,900	650	1,250	1,000	22,100	7,300	9,650	5,150	21,500	10,300	9,950	1,250	
1	Xây dựng 04 bến thuyền tại Sông Mã, Sông Luông, Hồ Pha đay, Hồ Vinh Quang	4,000	1,200	2,800	0	800	300	500	0	2,100	900	1,200	0	1,100	0	1,100	0	
2	Xây dựng bãi đỗ xe, nhà đón tiếp tại bản Hang, Bút, Vinh Quang, En, Yên, Khoa, Bâu, Bút Xuân	6,300	1,250	2,350	2,700	1300	350	350	600	2,900	900	1000	1,000	2,100	0	1000	1,100	
3	Xây dựng đường tới hang Dùn, bản En, xã Phú Thanh (6km x 2m)	7,200	4,300	2,900	0	0	0	0	0	7,200	4,300	2900	0	0	0	0	0	
4	Xây dựng đường từ bản Khoa tới thác Sơn Dương (6km x 2m)	7,200	4,300	2,900	0	0	0	0	0	0	0	0	0	7,200	4,300	2,900	0	
5	Xây dựng đường từ bản Khoa tới động Thẩm Sung, Thẩm Páng và thác Cánh Cún, xã Phú Sơn (9km x 2m)	10,800	6,000	4,800	0	0	0	0	0	0	0	0	0	10,800	6000	4800	0	
8	Xây dựng đường liên thôn bản Khoa (Phú Sơn) - Nam Tiến (7km x 2m)	8,400	0	4,400	4,000	0	0	0	0	8,400	0	4400	4000	0	0	0	0	
9	Xây dựng 2 bãi cắm trại tại khu vực Pù Hu	600	0	300	300	0	0	0	0	300	0	150	150	300	0	150	150	

STT	Tên dự án	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn 2019 - 2030			Phân kỳ thực hiện												Ghi chú
			NS tỉnh	NS huyện, xã	Xã hội hóa	Giai đoạn 2019-2020				Giai đoạn 2021-2025				Giai đoạn 2026-2030				
						Tổng kinh phí	NS tỉnh	NS huyện, xã	Xã hội hóa	Tổng kinh phí	NS tỉnh	NS huyện, xã	Xã hội hóa	Tổng kinh phí	NS tỉnh	NS huyện, xã	Xã hội hóa	
10	Xây dựng nhà chờ, bãi đỗ xe Hang Co Phường.	2,000	1,200	400	400	800	0	400	400	1,200	1200	0	0	0	0	0	0	
II	Nhóm dự án bảo vệ tài nguyên môi trường DL	59,500	4,200	25,300	30,000	12,200	200	5,000	7,000	26,400	2,000	11,500	12,900	20,900	2,000	8,800	10,100	
I	Cải thiện hạ tầng môi trường xử lý rác thải sinh hoạt cho 07 xã Phú Lệ, Phú Nghiêm, Phú Sơn, Phú Thanh, Hiền Chung, Nam Xuân, Nam Động	14,000	4,200	4,800	5,000	2,200	200	1,000	1,000	6,000	2,000	2,000	2,000	5,800	2,000	1,800	2,000	
2	Nâng cấp hệ thống cấp nước sạch cho 7 xã	21,000	0	9,000	12,000	5,000	0	2,000	3,000	8,000	0	3,500	4,500	8,000	0	3,500	4,500	Nguồn nông thôn mới
3	Nâng cấp hệ thống cấp thoát nước thải cho 07 xã	22,400	0	10,000	12,400	5,000	0	2,000	3,000	11,000	0	5,000	6,000	6,400	0	3,000	3,400	Nguồn nông thôn mới
4	Cải tạo, làm sạch cảnh quan hai bên sông Mã, sông Luông (sông Mã: 20km; sông Luông: 10km)	2,100	0	1,500	600	0	0	0	0	1,400	0	1000	400	700	0	500	200	
III	Nhóm dự án đầu tư phát triển sản phẩm du lịch	51,000	400	5,350	45,250	3,250	200	550	2500	18,050	200	2750	15100	29,700	0	2050	27650	
1	Lắp đặt nhà vệ sinh công cộng dọc các tuyến đường tham quan (Bản Vinh Quang: 03; Bản Bút Xuân:03; Bản Bút: 03; Bản Khoa: 02; Bản En: 02; Bản Yên: 02; Bản Bàu: 02; Các bãi cắm trại Pù Hu : 03)	3,000	0	2,000	1,000	600	0	400	200	1,500	0	1,000	500	900	0	600	300	
2	Thiết kế cảnh quan tại các hộ có dịch vụ lưu trú chất lượng cao (7 hộ tại bản Hang ; 07 hộ Bản En	2,400	0	1,200	1,200	0	0	0	0	700	0	350	350	1,700	0	850	850	

STT	Tên dự án	Nguồn vốn 2019 - 2030				Phân kỳ thực hiện												Ghi chú
		Tổng mức đầu tư	NS tỉnh	NS huyện, xã	Xã hội hóa	Giai đoạn 2019-2020				Giai đoạn 2021-2025				Giai đoạn 2026-2030				
						Tổng kinh phí	NS tỉnh	NS huyện, xã	Xã hội hóa	Tổng kinh phí	NS tỉnh	NS huyện, xã	Xã hội hóa	Tổng kinh phí	NS tỉnh	NS huyện, xã	Xã hội hóa	
3	Đầu tư xây dựng dịch vụ lưu trú chất lượng cao (7 hộ, bản Hang; 7 hộ bản En)	28,000	0	0	28,000	0	0	0	0	8,000	0	0	8,000	20,000	0	0	20,000	
4	Đầu tư trang thiết bị cho dịch vụ lưu trú homestay (bản Vinh Quang : 12 hộ; Bản En: 8 hộ; Bản Yên: 7 hộ ,Khoa: 8 hộ; Bút : 8 hộ; Bản Bâu : 8 hộ ;Hang: 7 hộ, Bút Xuân :8)	3,300	0	900	2,400	400	0	100	300	900	0	300	600	2,000	0	500	1,500	
5	Đầu tư nhà tắm, nhà vệ sinh đạt chuẩn cho các hộ làm DLCĐ (bản Vinh Quang : 12 hộ; Bản En: 8 hộ; Bản Yên: 7 hộ , Khoa: 8 hộ; Bút : 8 hộ; Bản Bâu : 8 hộ ; Hang: 7 hộ)	9,900	0	0	9,900	1,900	0	0	1900	4,000	0	0	4,000	4,000	0	0	4,000	
6	Đầu tư mua trang thiết bị phục vụ văn nghệ cho 8 bản bao gồm : nhạc cụ, loa đài, trang phục...(Hang, Vinh Quang, En, Yên, Khoa, Bút, Bâu, Bút Xuân)	800	0	250	550	150	0	50	100	300	0	100	200	350	0	100	250	
7	Đầu tư mua xe đạp cho khách ngắm cảnh cho các hộ tại các bản đón khách	500	0	0	500	0	0	0	0	250	0	0	250	250	0	0	250	
8	Xây dựng biển hiệu chỉ dẫn, bảng nội quy và thông tin du lịch (08 bản)	400	400	0	0	200	200	0	0	200	200	0	0	0	0	0	0	
9	Đầu tư mua thuyền kayak cho hoạt động thể thao, ngắm cảnh tại Sông Mã	300	0	0	300	0	0	0	0	150	0	0	150	150	0	0	150	

STT	Tên dự án	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn 2019 - 2030			Phân kỳ thực hiện												Ghi chú
			NS tỉnh	NS huyện, xã	Xã hội hóa	Giai đoạn 2019-2020				Giai đoạn 2021-2025				Giai đoạn 2026-2030				
						Tổng kinh phí	NS tỉnh	NS huyện, xã	Xã hội hóa	Tổng kinh phí	NS tỉnh	NS huyện, xã	Xã hội hóa	Tổng kinh phí	NS tỉnh	NS huyện, xã	Xã hội hóa	
10	Đầu tư xây dựng, thuyền, áo phao cho khách du lịch trên sông Mã, sông Luông, Hồ Pha Đay, Hồ Vinh Quang	800	0	0	800	0	0	0	0	500	0	0	500	300	0	0	300	
11	Trang bị áo phao phục vụ du khách	100	0	0	100	0	0	0	0	50	0	0	50	50	0	0	50	
12	Đầu tư xây dựng nhà kính sinh học KBT Nam Động	1,500	0	1,000	500	0	0	0	0	1,500	0	1,000	500	0	0	0	0	
IV	Nhóm bảo tồn, tôn tạo di tích và tài nguyên du lịch phát huy giá trị văn hóa phục vụ PTDL	7,000	1,500	1,600	3,900	0	0	0	0	4,400	1,000	1,000	2,400	2,600	500	600	1500	
1	Bảo tồn trùng tu di tích Hang Phi (xã Nam Xuân)	5,000	1,500	1,000	2,500	0	0	0	0	3,400	1,000	700	1,700	1,600	500	300	800	Nguồn tu bổ tôn tạo
2	Tổ chức thường niên lễ hội : Mừng Ca Da	2,000	0	600	1,400	0	0	0	0	1,000	0	300	700	1,000	0	300	700	Nguồn tu bổ tôn tạo
V	Nhóm nâng cao năng lực cộng đồng	4,100	450	2,070	1,580	1,100	150	520	430	1,500	150	750	600	1,500	150	800	550	
1	Tập huấn lớp phòng cháy chữa cháy	300	0	150	150	100		50	50	100		50	50	100	0	50	50	
2	Đào tạo kỹ năng chế biến món ăn cơ bản	650	450	200	0	200	150	50	0	200	150	50		250	150	100	0	
3	Đào tạo kỹ năng chế biến, trình diễn món ăn nâng cao	400	0	250	150	100	0	50	50	150	0	100	50	150	0	100	50	
4	Đào tạo tiếng anh cơ bản	550	0	400	150	150	0	100	50	200	0	150	50	200	0	150	50	
5	Đào tạo kỹ năng giao tiếp, hướng dẫn	600	0	400	200	150	0	100	50	250	0	150	100	200	0	150	50	
6	Đào tạo nâng cao nhận thức cộng đồng về văn hóa dân tộc	400	0	250	150	100	0	50	50	150	0	100	50	150	0	100	50	
7	Đào tạo kỹ năng sơ cứu, cấp cứu	400	0	150	250	100	0	50	50	150	0	50	100	150	0	50	100	

STT	Tên dự án	 Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn 2019 - 2030			Phân kỳ thực hiện												Ghi chú
			NS tỉnh	NS huyện, xã	Xã hội hóa	Giai đoạn 2019-2020				Giai đoạn 2021-2025				Giai đoạn 2026-2030				
						Tổng kinh phí	NS tỉnh	NS huyện, xã	Xã hội hóa	Tổng kinh phí	NS tỉnh	NS huyện, xã	Xã hội hóa	Tổng kinh phí	NS tỉnh	NS huyện, xã	Xã hội hóa	
8	Tổ chức tham quan, học hỏi mô hình lưu trú, cao cấp tại Pù Luông	350	0	120	230	50	0	20	30	150	0	50	100	150	0	50	100	
9	Tổ chức tham quan, học hỏi kinh nghiệm du lịch cộng đồng xã Pom Coong, Mai Châu	450	0	150	300	150	0	50	100	150	0	50	100	150	0	50	100	
VI	Nhóm xúc tiến quảng bá	6,100	0	2,050	4,050	1,400	0	550	850	2,650	0	850	1800	2050	0	650	1400	
1	Lắp đặt pa-no quảng cáo du lịch	1,000	0	250	750	200	0	50	150	400	0	100	300	400	0	100	300	
2	Sản xuất video, phim tài liệu, viết bài về du lịch KBT Pù Hu, KBT Nam Động, huyện Quan Hóa	1,500	0	500	1,000	300	0	100	200	900	0	300	600	300	0	100	200	
3	Biên tập sổ tay và bản đồ hướng dẫn du lịch	450	0	150	300	150	0	50	100	150	0	50	100	150	0	50	100	
4	Tổ chức các đoàn farmtrip du lịch	1,050	0	350	700	150	0	50	100	450	0	150	300	450	0	150	300	
5	Xây dựng trang web du lịch cộng đồng kết nối các bản trong huyện và mạng lưới du lịch cộng đồng tỉnh	2,100	0	800	1,300	600	0	300	300	750	0	250	500	750	0	250	500	